

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Dư Thị Huyền

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: huyendhkh83@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/7/2025; ngày hoàn thành phản biện: 16/7/2025; ngày duyệt đăng: 8/12/2025

TÓM TẮT

Qua 80 năm xây dựng và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đối ngoại Việt Nam luôn nêu cao tinh thần phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Từ một nước không có tên trên bản đồ thế giới, Việt Nam đã khẳng định vai trò thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Với những thành tựu đáng tự hào, đối ngoại Việt Nam luôn giữ vững vai trò quan trọng trong việc tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định và thúc đẩy hội nhập quốc tế, đúng như Đại hội Đảng lần thứ XIII nhận định “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, đối ngoại Việt Nam, đổi mới, hội nhập quốc tế.

1. MỞ ĐẦU

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực đưa hoạt động đối ngoại hướng tới tranh thủ sự ủng hộ của các nước trên thế giới. Từ năm 1950, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân. Từ đây, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận và được sự ủng hộ tinh thần, viện trợ vật chất của cách mạng thế giới, phục vụ cho công cuộc kháng chiến. Đây cũng là sự kiện đánh dấu bước hội nhập đầu tiên của Việt Nam vào khối các nước xã hội chủ nghĩa, trong trật tự thế giới hai cực. Cùng với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 80 năm qua, đối ngoại, ngoại giao Việt Nam ngày càng trưởng thành, đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng qua các thời kỳ.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu trong Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ngày 14/12/2021, đã chỉ rõ phương hướng đối ngoại trong thời gian tới, đó là: Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; đối ngoại của các cấp, các ngành, các địa phương, các cơ quan, đơn vị, cộng đồng các doanh nghiệp. Đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất, thiết thực; huy động và kết hợp có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Không ngừng đổi mới, sáng tạo trên cơ sở vận dụng nhuần nhuyễn bài học “*đĩ bất biến, ứng vạn biến*”, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, linh hoạt về phương pháp, sách lược”.

2. NỘI DUNG

2.1. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (từ năm 1945 đến năm 1975)

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2/1930), về mặt *quan hệ quốc tế*: Đảng ta xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới nên cần phải liên kết với cách mạng của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới, đặc biệt là cần sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ trên thế giới. Như vậy, trong mỗi *quan hệ quốc tế*, ngay từ đầu Đảng ta đã luôn coi trọng mở rộng quan hệ giữa cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương với các lực lượng cách mạng bên ngoài.

Năm 1945, cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập. Trong điều kiện trực tiếp lãnh đạo chính quyền, Đảng đã hoạch định đường lối đối ngoại: *mục tiêu đối ngoại* của Việt Nam là góp phần “đưa nước nhà đến sự độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn”; về *nguyên tắc đối ngoại* “thừa nhận quyền tự chủ của các dân tộc, trước hết là quyền lựa chọn chế độ chính trị và xã hội mà họ muốn” [9, tr.547]; về *phương châm đối ngoại*: độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

Trong những buổi đầu xây dựng chính quyền mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo cách mạng tiền bối, trên cơ sở các nguyên tắc “*đĩ bất biến ứng vạn biến*” và với những sách lược táo bạo, khôn khéo như “*hòa để tiến*”, “*phân hóa kẻ thù*”, Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946 đã góp phần bảo vệ thành công chính quyền cách mạng non trẻ, giúp cách mạng nước ta vượt qua những tình huống hiểm nghèo.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1946 - 1975), hoạt động đối ngoại đã tranh thủ sự ủng hộ to lớn của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, tạo dựng mặt trận quốc tế rộng lớn ủng hộ sự nghiệp giành độc lập

dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ những kinh nghiệm của hoạt động ngoại giao ở Hội nghị Geneve năm 1954 về Đông Dương, đấu tranh ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước đã trưởng thành vượt bậc về nhiều mặt, thể hiện rõ vai trò tích cực, tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, nhất là trong đàm phán Hội nghị Paris năm 1973, Việt Nam đã giữ vững độc lập, tự chủ trong đàm phán. Đây thực sự là bước hội nhập quốc tế tiếp theo của Việt Nam, trực tiếp tạo nên một trong những nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ đến thắng lợi.

Sau khi đất nước thống nhất, đối ngoại, ngoại giao là mặt trận tiên phong tạo lối, mở đường, từng bước phá thế bị bao vây cấm vận về kinh tế và cô lập về chính trị. Đồng thời đối ngoại, ngoại giao đi đầu trong việc khơi thông quan hệ với nhiều đối tác, giải quyết các vấn đề tồn tại trong quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác quan trọng mở ra cục diện mới phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.

Quá trình triển khai đã để lại nhiều bài học quý báu cho nền ngoại giao Việt Nam: phải nhận thức, đánh giá chính xác về tình hình thế giới, thời cuộc, về tình hình, sức mạnh trong nước; kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước và cuộc đấu tranh của dân tộc với chủ nghĩa quốc tế; phát huy và tranh thủ sức mạnh quốc tế, sức mạnh thời đại, nhưng dựa vào sức mình là chính; vận dụng khéo léo phương châm “*đĩ bất biến ứng vạn biến*”, lấy việc bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất của mọi hoạt động.

2.2. Thời kỳ khôi phục, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc sau chiến tranh (từ năm 1975 đến năm 1986)

Từ những năm 1970 của thế kỷ XX, cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. Các nước lớn có những điều chỉnh quan trọng trong chiến lược và chính sách: Mỹ giảm cam kết ở bên ngoài, hòa hoãn với các đối thủ chính, tập trung ưu tiên giải quyết các vấn đề trong nước; Liên Xô giành được thế cân bằng về vũ khí chiến lược với Mỹ và mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài. Tây Âu và Nhật Bản trở thành các trung tâm kinh tế thế giới, cạnh tranh với Mỹ; Trung Quốc thực hiện chương trình cải cách, hiện đại hóa, mở cửa.

Với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương (năm 1975), phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh. Đảng ta nhận định: “Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lớn mạnh không ngừng; phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển mãnh liệt” [1, tr.507]. Đại hội lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) xác định nhiệm vụ đối ngoại: “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học, kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [1, tr.617].

Trong quan hệ với các nước, Đại hội IV chủ trương củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Từ giữa năm 1978, Đảng ta đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô - coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, tự do, trung lập và ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) xác định: công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong cuộc đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta. Về quan hệ với các nước, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc; kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại, nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình và ổn định; chủ trương khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình; chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Như vậy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986 là xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và tăng cường đoàn kết hợp tác với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và các nước đang phát triển; đấu tranh với sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch.

Từ năm 1975 đến năm 1978, nước ta đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước; ngày 15-9-1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21-9-1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức của Ngân hàng Thế giới (WB); ngày 23-9-1976, gia nhập Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); ngày 20-9-1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên Hợp Quốc; ngày 29-6-1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ kinh tế (khối SEV); ngày 31-11-1978, Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô.

Những kết quả đối ngoại trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Việt Nam đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể từ các nước xã hội chủ

nghĩa, các tổ chức quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với một số nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, góp phần khôi phục đất nước sau chiến tranh, phát huy vai trò trên trường quốc tế. Việt Nam cũng thực hiện được mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ thành quả cách mạng, làm thất bại âm mưu chống phá Đảng, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phản động. Việc triển khai quan hệ với các nước trong khu vực góp phần tạo nền tảng thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đối ngoại giai đoạn sau, hướng tới xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

2.3. Thời kỳ đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay)

Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) tiếp tục phát triển, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai trên cơ sở hai khối đối lập do Liên Xô và Hoa Kỳ đứng đầu (trật tự thế giới hai cực) tan rã, mở ra thời kỳ hình thành một trật tự thế giới mới. Trên thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hòa bình và hợp tác phát triển.

Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển *đã đổi mới tư duy đối ngoại*, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; mở rộng và tăng cường liên kết, hợp tác với các nước phát triển để tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ, mở rộng thị trường, học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh.

Trong quan hệ quốc tế, hợp tác và cạnh tranh, đối tác và đối tượng ngày càng đan xen; tập hợp lực lượng ngày càng đa dạng. Thành tựu vượt bậc của cách mạng khoa học và công nghệ thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, hình thành xã hội thông tin, nền kinh tế tri thức. Các nước coi trọng, ưu tiên phát triển kinh tế, gắn an ninh với phát triển. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, nổi lên là khu vực phát triển năng động, ngày càng quan trọng cả về kinh tế và chính trị - an ninh, nhưng còn hiện hữu nhiều nhân tố gây mất ổn định.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng (tháng 01-2016) nhận định: “Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng” [7, tr.70].

Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã hình thành và không ngừng hoàn thiện chính sách đối ngoại:

Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1996: xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12- 1986), trên cơ sở nhận thức đặc điểm nổi bật của thế giới là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất, Đảng ta nhận định: “xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta” [2, tr.364]. Từ đó, Đảng chủ trương phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới và đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đánh dấu sự đổi mới của Đảng ta về đối ngoại, theo hướng hình thành đường lối đối ngoại phù hợp là rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế trên tinh thần giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc.

Tháng 12 - 1987, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành. Đây là lần đầu tiên Nhà nước ta tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam - mở cửa để thu hút nguồn vốn, thiết bị và kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Tháng 5 - 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, đề ra chủ trương kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình; lợi dụng sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế; kiên quyết mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (tháng 6 -1991) đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình” [3, tr.114], với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [3, tr.49].

Về chính sách đối ngoại với các nước: với Lào và Campuchia, thực hiện đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả trên tinh thần bình đẳng. Với Trung Quốc, chủ trương thúc đẩy bình thường hóa quan hệ, từng bước mở rộng hợp tác Việt - Trung. Trong quan hệ với khu vực, Đảng chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Đối với Hoa Kỳ, Đảng nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Như vậy, trong 10 năm (1986 - 1996), Đảng ta đã có sự thay đổi vượt bậc trong nhận thức về thế giới và các mối quan hệ của các quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Quan điểm “đa dạng hóa, đa phương hóa” các mối quan hệ quốc tế đặt cơ sở cho việc hình thành chủ trương “đa dạng hóa quan hệ quốc tế” trên quy mô khu vực và thế giới, tạo nên bước chuyển mới trong các hoạt động ngoại giao của Nhà nước ta. Có thể xem đây là bước đi quan trọng định hình chính sách ngoại giao đa phương, tạo tiền đề cho việc triển khai công tác đối ngoại đa phương sau này của Việt Nam.

Giai đoạn từ năm 1996 đến nay: bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở” và “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”. Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001) đã phát triển phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [5, tr.42]

Chủ trương xây dựng *quan hệ đối tác* được đề ra ở Đại hội IX đánh dấu bước phát triển về chất tiến trình quan hệ quốc tế của Việt Nam thời kỳ đổi mới. Tháng 11/2001, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (ngày 05/01/2004) nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, không thể rơi vào thế bị động; phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh, đổi mới bên trong, từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn; từ Trung ương đến địa phương, doanh nghiệp; khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực, nhưng phải thận trọng, vững chắc.

Đại hội lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) đề ra chủ trương “triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại tích cực và chủ động hội nhập quốc tế” [6, tr.322]. Đại hội đã thể hiện bước phát triển mới về tư duy đối ngoại - chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” lên “hội nhập quốc tế” hội nhập toàn diện, đồng bộ từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng.

Như vậy, chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế được xác lập trong 10 năm đầu của thời kỳ Đổi mới (1986-

1996), đến Đại hội XIII (tháng 01/2021) được bổ sung, phát triển thành: “Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác” [8, tr.69]. “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [8, tr.161 - 162]. Và trên cơ sở xác định định hướng đối ngoại cho giai đoạn 2021- 2030 là: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam” [8, tr.117-118]

Việt Nam chủ động và tiếp cận hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam tham gia hiệu quả vào các định chế khu vực và toàn cầu, nhất là các FTA thế hệ mới và đóng góp tích cực ở hầu hết tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách.

Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong 80 năm xây dựng và phát triển chính sách đối ngoại và gần 40 năm kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, chiến lược sáng suốt, đúng đắn trong công tác đối ngoại đã góp phần quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố.

Từ một nước bị bao vây, cấm vận, tính đến tháng 5/2025, Việt Nam đã mở rộng, có quan hệ ngoại giao với 193 nước, vùng lãnh thổ và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 11 nước, trong đó có 3 nước có quan hệ đặc biệt (Lào, Campuchia và Cu ba), 8 nước đối tác chiến lược toàn diện (Trung Quốc (2008), Nga (2012), Ấn Độ (2016); Hàn Quốc (2022); Hoa Kỳ (09/2023); Nhật Bản (11/2023); Australia (3/2024); Pháp (10/2024); Malaysia (11/2024); New Zealand (2/2025); Indonesia (3/2025); Singapore (3/2025); Thái Lan (5/2025), 13 nước đối tác chiến lược và 17 nước đối tác toàn diện [11].

3. KẾT LUẬN

Thực tiễn 80 năm xây dựng và phát triển là một căn cứ để phát triển quan điểm, tầm nhìn về đối ngoại, ngoại giao trong thời đại mới; là tiền đề để đưa nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam lớn mạnh cả về tầm vóc, hiệu lực, hiệu quả, góp phần tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa Việt Nam với các nước, nhất là các nước lớn, các đối tác

chiến lược, các nước láng giềng và các nước trong khu vực, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giúp Việt Nam tích lũy đủ thể và lực cho sự phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên vươn mình là *dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*, sánh vai với các cường quốc năm châu. Như Đại hội XIII của Đảng (tháng 01/2021) đã khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [8, tr. 25].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 37*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 47*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 51*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [10]. <https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-ngghi-ngoai-giao-lan-thu-32-102231219155116287.htm>.
- [11]. [https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%91i_t%C3%A1c_chi%E1%BA%BFn_l%C6%B0%E1%BB%A3c,_%C4%91%E1%BB%91i_t%C3%A1c_to%C3%A0n_di%E1%BB%87n_\(Vi%E1%BB%87t_Nam\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%91i_t%C3%A1c_chi%E1%BA%BFn_l%C6%B0%E1%BB%A3c,_%C4%91%E1%BB%91i_t%C3%A1c_to%C3%A0n_di%E1%BB%87n_(Vi%E1%BB%87t_Nam))

VIETNAM'S FOREIGN AFFAIRS ACTIVITIES SINCE 1945 UNDER THE LEADERSHIP OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

Du Thi Huyen

University of Sciences, Hue University

Email: huyendhkh83@gmail.com

ABSTRACT

Entering a new era - an era of national renewal - when the Party's will converges with the people's aspirations in the shared desire to elevate the country to new heights, foreign affairs have increasingly affirmed their strategic significance. They have become a spearhead front, building upon the achievements of the past eight decades, continuing to innovate, improve effectiveness, and promote their role in contributing to rapid and sustainable national development, strengthening Vietnam's international standing, and expanding global cooperation. With 80 years of nation-building and defense, and nearly 40 years of renovation under the leadership of the Communist Party, Vietnam's foreign affairs have consistently played a pivotal role in fostering a peaceful, stable environment and promoting international integration.

Keywords: Communist Party of Vietnam, international integration, renovation, Vietnam's foreign affairs.



Du Thi Huyen sinh ngày 26/5/1983 tại Hà Tĩnh. Bà tốt nghiệp cử nhân Triết học năm 2005, tốt nghiệp thạc sĩ năm 2011. Hiện bà đang giảng dạy tại Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học.